



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

P. 410, Tòa nhà Vinaconex 7, Đường K2, Tổ 14
P. Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: 04. 7309 2007
Fax: 04. 7309 2014
www.vietcpa.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Địa chỉ: Số 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 04 3565 1528

Fax: 04 3852 2622

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2 - 5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

6 - 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

8 - 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần ACC - 244 trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ Phần ACC - 244 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng 244 trực thuộc Cục Hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ACC – 244, trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 04 3565 1528

Fax : 04 3852 2622

Mã số thuế : 0 1 0 4 5 9 8 6 6 6

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND (bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng);

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.940.862 cổ phần

Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần.

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với các cá nhân	Số cổ phần
I	Đại diện phần vốn góp Nhà nước tại Công ty Cổ phần ACC - 244		
1	Phan Duy Lĩnh	TT Xí nghiệp Xây dựng 244, quân chủng Phòng không – Không quân, phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.	796.446
2	Nguyễn Quốc Doanh	Số 80, dãy A, Lô TT8, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	597.208
3	Nguyễn Thị Vinh	Nhà số 9, ngõ 235, tổ 21 phố Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.	597.208
II	Các cổ đông khác		950.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Khai thác cát, sỏi;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng./.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Duy Lĩnh

Ông Nguyễn Quốc Doanh

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ông Nguyễn Công Nguyên	Ủy Viên
Ông Nguyễn Đức Sinh	Ủy Viên
Bà Nguyễn Thị Vinh	Ủy Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ
Ông Phan Duy Lĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Sinh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Công Nguyên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vinh	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt (VIETCPA).

Địa chỉ: Phòng 410, Tòa nhà Vinaconex 7, Tổ 14, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 7309 2007

Fax: (04) 7309 2014

Mã số thuế: 0 1 0 2 1 3 8 1 5 9

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải :

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244



Phan Duy Lĩnh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015



ĐỘC LẬP - TRUNG THỰC - KHÁCH QUAN

Số: 18 /2015/TC1- VIETCPA

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Phòng 410, Tòa nhà Vinaconex 7, Đường K2, Tổ 14

P. Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 04. 7309 2007

Fax: 04. 7309 2014

www.vietcpa.com.vn

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014** **của Công ty Cổ Phần ACC - 244**

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần ACC - 244

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Việt đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 được lập ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần ACC – 244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần ACC - 244 cho năm tài chính 2014:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014; và

(b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ Phần ACC - 244 giữ 03 (ba) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Việt giữ 01 (một) bản.



Nguyễn Thái Hồng

Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1115 - 2013 - 138 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Nguyễn Thị Diệu Linh

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0920 - 2013 - 138 - 1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.296.284.274	189.707.138.733
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.902.547.421	22.713.802.380
1. Tiền	111	V.01	21.902.547.421	22.713.802.380
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.969.466.260	84.713.171.987
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.3.1	105.817.863.504	84.001.689.392
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	151.602.756	711.482.595
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		76.777.961.799	77.112.038.488
1. Hàng tồn kho	141	V.03	76.777.961.799	77.112.038.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.646.308.794	5.168.125.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.224.863	94.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.845.940	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.2	11.510.237.991	5.073.625.878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.080.681.501	6.129.136.449
II. Tài sản cố định	220		4.024.532.819	5.999.425.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	4.024.532.819	5.999.425.067
- Nguyên giá	222		14.468.300.768	14.468.300.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.443.767.949)	(8.468.875.701)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		56.148.682	129.711.382
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05	56.148.682	129.711.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		220.376.965.775	195.836.275.182

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		184.391.817.108	160.880.786.614
I. Nợ ngắn hạn	310		184.391.817.108	160.880.786.614
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.06	3.000.000.000	3.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.3	80.453.250.006	76.996.351.195
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	908.533.646	855.072.424
5. Phải trả người lao động	315		667.720.000	553.150.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.08	98.483.646.129	78.366.711.570
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		878.667.327	609.501.425
II. Nợ dài hạn	330		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.985.148.667	34.955.488.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.09	35.985.148.667	34.955.488.568
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.301.219.906	1.301.219.906
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.235.330.305	418.142.541
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.432.872.480	1.432.872.480
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.607.105.976	2.394.633.641
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		220.376.965.775	195.836.275.182

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh



Phan Duy Linh

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.10	380.010.174.726	331.561.457.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.11	14.493.837.884	1.380.573.366
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		365.516.336.842	330.180.884.122
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.12	345.717.425.768	312.027.416.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.798.911.074	18.153.467.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.13	44.852.798	122.259.920
7. Chi phí tài chính	22	VI.14	-	42.458.958
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	42.458.958
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.4	9.201.768.591	7.906.661.017
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.641.995.281	10.326.607.501
11. Thu nhập khác	31	VIII.3.5	-	208.352.126
12. Chi phí khác	32	VIII.3.6	109.629.078	12.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		(109.629.078)	195.852.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.532.366.203	10.522.459.627
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.15	2.360.488.565	1.967.647.908
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.171.877.638	8.554.811.719
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	90	VI.17	2.779	2.909

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vinh

Tổng Giám đốc



Phan Duy Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	1		380.178.622.866	366.019.378.332
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(358.992.255.720)	(349.849.178.465)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(3.540.359.746)	(3.019.364.469)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(448.754.168)	(733.899.998)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.404.240.513)	(1.906.550.479)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		6.634.524.725	5.605.156.578
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(17.372.352.201)	(8.080.993.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.055.185.243	8.034.547.597
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ & các TS dài hạn	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, NB TSCĐ và các TS dài hạn	22		-	108.813.480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.852.798	122.259.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.852.798	231.073.400
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.500.000.000	15.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.000.000.000)	(24.717.777.324)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.911.293.000)	(13.629.070.324)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(811.254.959)	(5.363.449.327)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.713.802.380	28.077.251.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	21.902.547.421	22.713.802.380

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Bích Hạnh



Nguyễn Thị Vinh



Phan Duy Linh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần ACC - 244 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng 244 trực thuộc Cục Hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ACC – 244, trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 04 3565 1528

Fax : 04 3852 2622

Mã số thuế : 0 1 0 4 5 9 8 6 6 6

Vốn điều lệ

Theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND (Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng);

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.940.862 cổ phần

Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần.

2. Lĩnh vực hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá;
- Khai thác cát, sỏi;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước;
- Xử lý nước thải;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng./.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày các thông tin và thuyết minh

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2014***(tiếp theo)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2014 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2014***(tiếp theo)***4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận và chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh ;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Lợi thế kinh doanh từ việc cổ phần hóa được phân bổ đều trong hai năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động xây lắp, cho thuê nhà, ki ốt, mặt bằng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng". Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã hoàn thành có xác nhận của chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”. Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ.

9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

9.1 Ghi nhận các khoản phải thu

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

9.2 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế hiện hành.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh theo từng công trình.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận, tập hợp theo giá trị và khối lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	63.386.080	83.540.278
VND	63.386.080	83.540.278
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	21.839.161.341	22.630.262.102
VND	21.839.161.341	22.630.262.102
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	21.839.161.341	22.630.262.102
Tổng cộng	21.902.547.421	22.713.802.380

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế TNCN	18.023.874	13.152.350
Bảo hiểm y tế	57.798.000	47.250.000
Phải thu về di dời đất QP tại ngõ 250 Hoàng Văn Thái	-	572.000.000
Phải thu khác	75.780.882	79.080.245
Tổng cộng	151.602.756	711.482.595

3. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	9.500.000	9.500.000
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	76.768.461.799	77.102.538.488
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	76.777.961.799	77.112.038.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Địa chỉ: Số 164 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 04 3565 1528 Fax: 04 3852 2622

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2014

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

4 . Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2014	3.542.410.512	6.996.948.636	1.581.600.571	77.149.091	2.270.191.958	14.468.300.768
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2014	3.542.410.512	6.996.948.636	1.581.600.571	77.149.091	2.270.191.958	14.468.300.768
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2014	2.184.636.685	4.403.666.962	543.386.420	59.147.628	1.278.038.005	8.468.875.700
- Khấu hao trong năm	214.425.636	822.066.564	231.033.408	15.429.816	691.936.824	1.974.892.248
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 31/12/2014	2.399.062.321	5.225.733.526	774.419.828	74.577.444	1.969.974.829	10.443.767.948
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2014	1.357.773.827	2.593.281.674	1.038.214.151	18.001.463	992.153.953	5.999.425.067
- Tại ngày 31/12/2014	1.143.348.191	1.771.215.110	807.180.743	2.571.647	300.217.129	4.024.532.820

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.703.885.596 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

5 . Chí phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước: Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ dài hạn	56.148.682	129.711.382
Tổng cộng	56.148.682	129.711.382

6 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	-	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (**)	-	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (***)	3.000.000.000	-
Tổng cộng	3.000.000.000	3.500.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1329100230 ngày 19/10/2013, lãi suất vay 11,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1311500542 ngày 25/04/2013, lãi suất vay 14%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(***) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1429346079 ngày 20/10/2014, lãi suất vay 8,6%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

7 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	234.889.090	8.425.175.699	8.314.810.179	345.254.610
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	607.030.984	2.360.488.565	2.404.240.513	563.279.036
Thuế thu nhập cá nhân	13.152.350	60.579.060	83.577.350	(9.845.940)
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	208.925.583	208.925.583	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	-			9.845.940
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (**)	855.072.424			908.533.646

(*) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư âm (-)

(**) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư dương (+)

Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế cho năm tài chính 2014 với Cơ quan Thuế địa phương, quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do vậy việc áp dụng luật và các qui định về Thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

8 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả các công trường (*)	89.851.466.672	66.644.795.137
Đội 2	2.209.593.243	2.948.348.351
Đội 5	360.948.230	1.178.479.352
Xí nghiệp 41	26.466.670.190	15.089.599.263
Xí nghiệp 42	16.506.744.695	13.057.085.546
Xí nghiệp 43	34.082.685.559	18.504.490.848
Đối tượng khác	10.224.824.755	15.866.791.777
Kinh phí công đoàn	42.719.170	38.629.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.589.460.287	11.683.287.155
Tổng công ty XDCT hàng không ACC	6.361.502.479	9.470.307.847
Chi phí thuê đất	765.417.312	765.417.312
Cổ tức phải trả	1.425.000.000	1.425.000.000
Phải trả khác	37.540.496	22.561.996
Tổng cộng	98.483.646.129	78.366.711.570

(*) Khoản phải trả các công trường là khoản mà các xí nghiệp và các đội của Công ty phải trả

9 . Vốn chủ sở hữu

9.1 . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2013	29.408.620.000	1.301.219.906	700.195.479	31.410.035.385
Lãi trong năm trước	-	-	9.186.986.519	9.186.986.519
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối cho các quỹ	-	-	(2.090.712.705)	(2.090.712.705)
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Giảm khác	-	-	990.542.652	990.542.652
Số dư ngày 31/12/2013	29.408.620.000	1.301.219.906	2.394.633.641	33.104.473.547
Lãi trong năm nay	-	-	8.171.877.638	8.171.877.638
Tăng khác	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Phân phối cho các quỹ	-	-	(2.451.563.292)	(2.451.563.292)
Giảm khác	-	-	(1.096.549.011)	(1.096.549.011)
Số dư ngày 31/12/2014	29.408.620.000	1.301.219.906	2.607.105.976	33.316.945.882

9.2 . Chi tiết vốn đầu tư của chủ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
Tổng cộng	29.408.620.000	29.408.620.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

9.3 . Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.411.293.000	4.411.293.000

9.4 . Cổ tức

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	4.411.293.000	4.411.293.000

9.5 . Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:		
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

9.5 . Các Quỹ của Doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	418.142.541	817.187.764	-	1.235.330.305
Quỹ dự phòng tài chính	1.432.872.480	-	-	1.432.872.480
Tổng cộng	1.851.015.021	817.187.764	-	2.668.202.785

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Doanh nghiệp được trích lập bằng 10% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Nghị Quyết 623/NQ-HDDQT244 của HĐQT ngày 27/12/2013 về phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2014.

Quỹ dự phòng tài chính của Doanh nghiệp được trích lập bằng 0% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Nghị Quyết 623/NQ-HDDQT244 của HĐQT ngày 27/12/2013 về phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	378.150.538.364	329.729.275.672
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.859.636.362	1.832.181.816
Tổng cộng	380.010.174.726	331.561.457.488

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	14.493.837.884	1.380.573.366
Tổng cộng	14.493.837.884	1.380.573.366

12. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	345.717.425.768	312.027.416.566
Tổng cộng	345.717.425.768	312.027.416.566

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	44.852.798	122.259.920
Tổng cộng	44.852.798	122.259.920

14. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	-	42.458.958
Tổng cộng	-	42.458.958

15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	365.561.189.640	330.511.496.168
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	355.028.823.437	319.989.036.541
Các khoản chi phí không được trừ	109.629.078	12.500.000
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	-	632.174.800

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

-Giảm tiền thuê đất quốc phòng theo số 207/CKT-TC về việc thu và miễn, giảm tiền thuê đất quốc phòng của Công ty CP năm 2011 và 2012 ngày 08/03/2013	-	632.174.800
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	10.641.995.281	11.167.134.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.360.488.565	2.791.783.606
Giảm số thuế TNDN phải nộp của năm 2012 do QTTTNDN 2012 được miễn giảm 30% theo NQ29/2012/QH13 và TT140/2012/TT-BTC	-	824.135.698
Tổng cộng:	<u>2.360.488.565</u>	<u>1.967.647.908</u>

16 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	243.203.048.499	223.539.188.362
Chi phí nhân công	74.668.397.474	67.806.038.466
Chi phí máy thi công	16.966.617.806	9.112.968.018
Chi phí sản xuất chung	10.879.361.989	11.569.221.720
Tổng cộng	<u>345.717.425.768</u>	<u>312.027.416.566</u>

17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.171.877.638	8.554.811.719
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.779	2.909

18 . Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.7 và V.10, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.902.547.421	22.713.802.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.969.466.260	84.713.171.987
Tổng cộng	127.872.013.681	107.426.974.367

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	3.000.000.000	3.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	98.483.646.129	78.366.711.570
Tổng cộng	101.483.646.129	81.866.711.570

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Quản lý rủi ro tỷ giá: Trong năm, công ty không phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ. Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm có mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải

31/12/2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	98.483.646.129	-	98.483.646.129
Các khoản vay	3.000.000.000	-	3.000.000.000

01/01/2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	78.366.711.570	-	78.366.711.570
Các khoản vay	3.500.000.000	-	3.500.000.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng tính sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.902.547.421	-	21.902.547.421
Phải thu khách hàng và phải thu khác	105.969.466.260	-	105.969.466.260

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

01/01/2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.802.380	-	22.713.802.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.713.171.987	-	84.713.171.987

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thu nhập Ban điều hành được hưởng trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban điều hành	1.493.111.936	1.390.519.855
Tổng cộng	1.493.111.936	1.390.519.855

2 . Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<i>Các khoản phải trả</i>		6.361.502.479	9.470.307.847
Tổng Công ty XDCT hàng không ACC	<i>Công ty mẹ</i>	6.361.502.479	9.470.307.847

3 . Những thông tin khác

3.1 . Phải thu của khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	105.817.863.504	84.001.689.392
Cục Hải quan Tỉnh Lào Cai	11.878.803.825	9.020.660.672
Trại giam số 5 - Tổng cục VIII - Bộ Công an	8.799.935.410	8.799.935.410
Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Lào Cai	3.007.463.000	4.694.562.740
Công an Lào Cai	917.765.432	1.890.297.936
Trại giam Cao Lãnh - Tổng cục VIII - Bộ Công an	3.665.570.000	5.525.542.826
Dự án Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hưng Yên	1.864.132.463	1.864.132.463
Sư đoàn 365	207.446.000	111.147.128
Kho K602 - TC. CNQP	-	1.213.786.684
Nhà máy Z113	1.307.041.084	1.156.874.664
Nhà máy Z183	-	2.077.419.827
Đài THPT Lào Cai	2.619.321.659	2.293.302.705
Sư đoàn 361	-	1.265.862.621
Nhà máy Z111	3.957.631.921	4.465.564.921
Nhà máy Z176	3.501.382.730	3.501.382.730
Đoàn an điều dưỡng 298/TCCNQP	10.042.129.701	2.274.759.105
Văn phòng tỉnh ủy Tỉnh Lào Cai	4.469.980.000	2.580.717.880
Nhà máy Z195	2.857.398.922	284.237.000
Nhà máy Z199	-	587.968.000
Sư đoàn 371	1.808.938.000	905.701.709

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

Ban Quản lý Dự án 3 Khu gia đình Quân chủng PKKQ	11.296.148.181	11.703.317.775
Trường Cao đẳng CNQP	2.383.500.000	12.660.000
Nhà máy A34	-	4.323.391.000
Ban Quản lý Dự án Văn phòng UBND Tỉnh Lào Cai	23.095.000	1.183.343.209
Nhà máy Z175	-	1.441.551.000
Trường Đại học VHNT Quân đội	594.428.500	1.038.347.500
Cục kho vận - Tổng cục hậu cần kỹ thuật - Bộ công an	1.675.554.981	851.715.857
Bộ tham mưu QCPKKQ	1.102.840.674	150.000.000
Học viện KHQS	1.576.332.050	12.591.310
Nhà xuất bản Tư pháp	1.916.903.000	-
Quỹ đầu tư phát triển Lào cai	3.092.815.868	2.920.501.075
UBND huyện Sapa - Lào cai	6.134.926.999	-
Sở Nội vụ Tỉnh Lào cai	1.524.484.378	-
Trại giam kênh 7-Tổng cục VIII-Bộ công an	512.029.599	-
Công ty CP Tái tạo Năng lượng Việt Nam	684.343.675	684.343.675
Sư đoàn 375	669.639.000	669.639.000
TCT Kinh tế kỹ thuật CNQP	922.230.319	441.411.093
Lữ đoàn 28/QCPKKQ	929.478.000	-
Tổng Công ty ĐTPT nhà và Đô thị BQP	952.865.784	952.865.784
Cục kỹ thuật QK2	575.998.000	575.998.000
Trường thiếu sinh quân QK5	344.258.476	-
Trường Trung cấp kỹ thuật PKKQ	574.193.000	574.193.000
Các đối tượng khác	7.426.857.873	1.951.963.093
Tổng cộng	105.817.863.504	84.001.689.392

3.2 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	11.510.237.991	5.073.625.878
Xí nghiệp 41	1.060.904.792	2.698.841.339
Xí nghiệp 42	1.147.242.977	203.000.000
Xí nghiệp 43	2.867.853.073	1.072.343.500
Đội 2	6.434.237.149	1.099.441.039
Tổng cộng	11.510.237.991	5.073.625.878

3.3 . Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bộ Tư lệnh - Quân chủng Phòng không Không quân	31.769.162.983	9.859.099.148
Nhà máy A40	-	3.013.000.000
Nhà máy A42	-	2.895.000.000
Ban Quản lý Dự án 186 - BQP	1.066.754.660	3.319.272.727
Bộ tham mưu QCPKKQ	-	9.275.000.000
Trường cao đẳng CNQP	-	4.100.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

Đài PTTH Lào Cai	2.286.132.005	2.793.043.341
Quỹ đầu tư phát triển Lào Cai	-	5.208.416.347
UBND huyện Sapa - Lào Cai	558.754.989	5.353.226.961
Sở Nội Vụ tỉnh Lào Cai	-	1.803.811.620
Trường thiếu sinh quân QK5	-	1.148.183.421
Tổng cục II - BQP	10.040.401.054	4.500.000.000
Ban Quản lý Dự án 36D6M1-2/Bộ tư lệnh QCPK-KQ	-	957.346.673
Trung tâm tư vấn KSTK và GSCTXD NNNT Lào Cai	22.953.000	22.953.000
Nhà máy Z111	51.194.355	5.085.871.037
Nhà máy Z195	-	636.756.424
Dự án 367 (Sư đoàn 367)	9.962.413.140	4.808.085.681
Bộ chủ huy BP Nam Định	2.946.824.000	-
Cục chính trị PKKQ	1.843.715.000	-
Sư đoàn 361	151.115.129	202.734.774
Sư đoàn 371	7.247.079.135	1.000.000.000
TCT XDCT hàng không ACC	1.042.461.483	-
Cục THADS Tỉnh Hà Tĩnh	1.010.499.000	-
Trung tâm kiểm định XD Lào cai	20.809.199	-
Lữ đoàn 26/QCPKKQ	221.160.050	-
Lữ đoàn 168/QK2	105.340.824	105.340.824
Trung đoàn 219 - Quân đoàn 2	4.422.000	4.422.000
Sư đoàn 10 - Quân đoàn 3	7.517.426.000	-
Nhà máy Z143	2.172.600.000	-
Nhà máy Z199	412.032.000	-
BQLDA các khu gia đình QCPKKQ	-	10.107.226.569
Học viện KHQS	-	297.560.648
CA tỉnh Thái Nguyên	-	500.000.000
Tổng cộng	80.453.250.006	76.996.351.195

3.4 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.667.219.071	3.981.694.416
Chi phí vật liệu quản lý	337.367.380	294.270.775
Chi phí đồ dùng văn phòng	184.599.839	110.232.505
Chi phí khấu hao TSCĐ	905.521.929	735.919.703
Thuế, phí, lệ phí	780.417.312	770.417.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	371.688.674	321.907.132
Chi phí bằng tiền khác	1.954.954.386	1.692.219.174
Tổng cộng	9.201.768.591	7.906.661.017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

3.5 . Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	208.272.727
Thu nhập khác	-	79.399
Tổng cộng	-	208.352.126

3.6 . Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nộp phạt theo QĐ của thanh tra thuế	109.629.078	-
Chi phí khác	-	12.500.000
Tổng cộng	109.629.078	12.500.000

4 . Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2013
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98,15	96,87
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,85	3,13
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	83,67	82,15
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	16,33	17,85
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,20	1,22
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,17	1,18
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,12	0,14
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,88	3,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,24	2,58
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,78	5,37

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

(tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt.

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Tổng Giám đốc



Phan Duy Linh

